

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 13-4-2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Chấn.  
2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:** Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trung Thị H**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Anh **Trịnh Văn H2**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trung Thị H trình bày:*

Chị và anh Trịnh Văn H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 13/12/2012. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh H2 làm dâu ngay, vợ chồng sống chung tại Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh

Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xảy ra đánh, cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trịnh Văn H2.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Thị Thúy H3, sinh ngày 09/9/2013 và Trịnh Huy H4, sinh ngày 26/9/2016. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu H3 cho anh H2 nuôi dưỡng, giao cháu H4 cho chị nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn anh Trịnh Văn H2 trình bày:*

Anh và chị Trung Thị H kết hôn tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 13/12/2012. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn vào năm 2019 nhưng sau đó chị H rút đơn, vợ chồng tiếp tục chung sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2020, anh không liên lạc được với chị H, không thể động viên chị H quay về tiếp tục chung sống. Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý, nguyện vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Thị Thúy H3, sinh ngày 09/9/2013 và Trịnh Huy H4, sinh ngày 26/9/2016. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, cháu Trịnh Thị Thúy H3 trình bày:* Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố như hiện nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trung Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trịnh Văn H2; đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Huy H4 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Thị Thúy H3 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Văn H2 giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Trung Thị H. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trung Thị H: Cho chị Trung Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn H2.

- Về con chung: Giao cho anh Trịnh Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trịnh Thị Thúy H3, sinh ngày 09/9/2013. Giao cho chị Trung Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trịnh Huy H4, sinh ngày 26/9/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Trung Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trung Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trịnh Văn H2; anh Trịnh Văn H2 có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trung Thị H và anh Trịnh Văn H2 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Giang huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 13/12/2012. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị Trung Thị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh Văn H2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H2 mong muốn chị H quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, nhưng chị H vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H2. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trung Thị H và anh Trịnh Văn H2 có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trung Thị H, cho chị Trung Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn H2 là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị Trung Thị H và anh Trịnh Văn H2 có hai con chung là Trịnh Thị Thúy H3, sinh ngày 09/9/2013 và Trịnh Huy H4, sinh ngày 26/9/2016. Chị Trung Thị H đề nghị Tòa án giao cháu H3 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H4 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Trịnh Thị Thúy H3 đang sống cùng anh H2, cháu Trịnh Huy H4 đang sống cùng chị H, các cháu đều được nuôi dưỡng và phát triển đảm bảo, không bệnh tật gì. Hơn nữa cháu Trịnh Thị Thúy H3 trình bày trong trường hợp bố mẹ không sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống cùng bố. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H3 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H4 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trung Thị H và anh Trịnh Văn H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trung Thị H và anh Trịnh Văn H2 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Trung Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trung Thị H: Cho chị Trung Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn H2.

**2.** Về con chung: Giao cho anh Trịnh Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trịnh Thị Thúy H3, sinh ngày 09/9/2013. Giao cho chị Trung Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trịnh Huy H4, sinh ngày 26/9/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn chị Trung Thị H, anh Trịnh Văn H2 được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản chị Trung Thị H, anh Trịnh Văn H2 thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trung Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Trung Thị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001791 ngày 13/01/2021. Khoản tiền này được chuyển thành án phí. Xác nhận chị Trung Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Khúc Văn Bằng**